

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS-PT

Ngày: 10-5-2019

V/v tranh chấp hợp đồng liên
kết mua bán, trao đổi tài sản và
thực hiện nghĩa vụ do người
chết để lại

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Giới

Các Thẩm phán: Ông Lê Thành Trung

Ông Nguyễn Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Bà Lê Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-DS, ngày 27 tháng 02 năm 2019 về việc “tranh chấp hợp đồng liên kết mua bán, trao đổi tài sản và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2019/QĐPT-DS, ngày 12 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2019/QĐ-PT, ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Tổng công ty Lương thực M, do ông Huỳnh Thế N, Tổng giám đốc làm đại diện.

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Thế N: Chị Từ Thị H, sinh năm 1980; địa chỉ ấp V, xã L, thành phố T, tỉnh Trà Vinh “Theo văn bản ủy quyền ngày 25/4/2019”(có mặt)

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Công K, sinh năm 1985 (vắng mặt)
2. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1952 (có mặt)
3. Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1977 (vắng mặt)
4. Ông Nguyễn Minh P, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

5. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973(vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thu H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Nông sản thực phẩm Tthuộc Công ty TNHH Một thành viên -Tổng công ty Lương thực M ký kết hợp đồng liên kết số 26/HĐKT.2012, phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ 2012 ngày 26/5/2012 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/4/2014 với ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Công K. Nội dung hợp đồng ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Công K (bên B) đồng ý cho Công ty Nông sản thực phẩm T(bên A) đầu tư liên kết thức ăn thủy sản và tư vấn kỹ thuật và kiểm soát ao nuôi cá tra của ông T, ông Kđến khi thu hoạch cá tra thương phẩm.

Điều kiện liên kết là cá tra thả nuôi phải có trọng lượng 300g/con trở lên, cá tra khi thành phẩm phải đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, không nhiễm melamine và các kháng sinh cấm khác. Bên A là người mua cá thương phẩm tại ao nuôi liên kết và mua theo giá thị trường.

Tài sản bên B thế chấp cho bên A là ao cá nuôi liên kết diện tích mặt nước 3000m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X310444 thửa đất 140, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa cấp cho hộ Nguyễn Văn T và toàn bộ sản lượng cá thương phẩm dự kiến thu hoạch.

Phương thức thanh toán:

- Bên B thanh toán cho bên A tiền thức ăn bằng việc giao cá thương phẩm, thời hạn thanh toán không quá 90 ngày kể từ ngày xác nhận công nợ theo từng

thời điểm nhận hàng. Tiền lãi phát sinh trong hạn là 1,67%/tháng, quá hạn là 2%/tháng.

- Bên A sẽ thanh toán cho bên B số tiền thu cá tra thương phẩm còn dư sau khi trừ tiền đầu tư thức ăn và lãi phát sinh trong vòng 30 ngày kể từ ngày thu hoạch cá xong.

Trách nhiệm của mỗi bên như sau:

- Bên A cung cấp đủ số lượng thức ăn cho bên B theo đúng chất lượng như đã công bố và cử cán bộ kỹ thuật đến tư vấn kỹ thuật và kiểm soát ao nuôi của bên B trong thời gian liên kết;

- Bên B phải giao giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản thế chấp cho bên A, thông báo kịp thời tình hình dịch bệnh của cá nuôi liên kết cho bên A, tổ chức thu hoạch theo kích cỡ cá xuất khẩu từ 700g/con đến 900g/con, cam kết không bán cá tra trong liên kết cho bất cứ đơn vị nào khác khi chưa có sự chấp thuận bằng hợp đồng mua bán, không được định đoạt tài sản thế chấp trong thời hạn liên kết và trong trường hợp tiền bán cá không đủ thanh toán hết tiền thức ăn cho bên A thì bên B cam kết thanh toán hết nợ còn lại trong vòng 30 ngày bằng các nguồn tài chính khác.

Theo nội dung hợp đồng đã ký kết như trên, từ ngày 03/3/2012 đến ngày 27/7/2017 Công ty Nông sản thực phẩm T đã đầu tư cho ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Công K 74 tấn thức ăn cá với tổng số tiền là 746.260.000 đồng. Trong quá trình liên kết, Công ty Nông sản thực phẩm T nhiều lần kiểm tra chất lượng cá cụ thể vào các ngày 02/4/2012, 11/5/2012, 31/5/2012 để thu mua nhưng do cá nuôi liên kết bị bệnh mở vàng nên không tiến hành thu mua. Đến ngày 18/7/2012, Công ty chấp nhận thu mua nhưng do cá bị vượt trọng lượng xuất khẩu nên chỉ quyết định thu mua giá 17.000 đồng/kg, ông T và ông K không đồng ý bán cho Công ty mà lại bán cá cho Công ty S. Sau đó ngày 05/10/2012 ông T và ông K chuyển khoản thanh toán cho Công ty được 375.000.000 đồng, còn nợ lại 371.260.000 đồng. Công ty Nông sản thực phẩm T đã nhiều lần đôn đốc nhắc nhở nhưng ông T và ông K không tiếp tục thanh toán số tiền còn lại. Đến ngày 31/3/2014, ông Nguyễn Văn T đã xác nhận còn nợ Công ty Nông sản thực phẩm T số tiền 371.260.000 đồng tiền gốc và có yêu cầu miễn lãi phát sinh. Tuy nhiên, sau đó ông T, ông K vẫn không thanh toán nợ cho Công ty, do đó Công ty đã gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, ông K trả nợ và vụ việc tranh chấp kéo dài cho đến nay.

Nay ông Nguyễn Văn T đã chết, Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M yêu cầu ông Nguyễn Công K và bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Minh P phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty số tiền thức ăn còn nợ là 371.260.000 đồng và tiền lãi

phát sinh với mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng liên kết từ ngày nhận hàng đến khi thanh toán xong nợ tạm tính đến ngày 21/9/2018 là 611.043.279 đồng, trong đó lãi trong hạn là 37.387.627 đồng và lãi quá hạn là 573.655.653 đồng. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông T đã thế chấp, Công ty yêu cầu được tiếp tục quản lý để bảo đảm thi hành án. Trường hợp các đồng bị đơn thanh toán hết nợ cho Công ty thì Công ty sẽ hoàn trả quyền sử dụng đất trên cho các đồng bị đơn.

Bị đơn ông Nguyễn Công K và bà Nguyễn Thị Thu H trình bày: Các đồng bị đơn thừa nhận có ký hợp đồng liên kết với Công ty Nông sản thực phẩm T với nội dung thỏa thuận như lời trình bày của nguyên đơn với tổng số tiền 746.260.000 đồng, đã trả 375.000.000 đồng, còn 371.260.000 đồng chưa trả cho Công ty là đúng. Tuy nhiên, các đồng bị đơn cho rằng lý do không thanh toán và việc bán cá ra bên ngoài là do Công ty đã không thu mua cá đúng hạn, Công ty cố ý kéo dài thời gian thu mua đến khi cá quá cỡ xuất khẩu thì mua với giá 17.000đồng/kg thấp hơn giá thị trường nên ông T không thể bán cá cho Công ty mà đã bán cho Công ty S với giá 20.000 đồng/kg, tuy nhiên với mức giá bán này ông T vẫn bị lỗ hơn 700.000.000 đồng, lỗi này hoàn toàn thuộc về Công ty Nông sản thực phẩm T. Việc Công ty Nông sản thực phẩm T cho rằng cá bệnh mỡ vàng là không đúng với thực tế vì không có biên bản xác nhận của ông Nguyễn Văn T chứng minh cá bị bệnh trong thời gian liên kết. Đồng thời bị đơn cho rằng trong thời gian liên kết Công ty Nông sản thực phẩm T hoàn toàn không tư vấn kỹ thuật cho ông T, ông K như đã thỏa thuận trong hợp đồng dẫn đến kéo dài thời gian thu hoạch cá làm cho ông T bị thua lỗ nên không có khả năng thanh toán tiền thức ăn cho Công ty. Vì vậy các đồng bị đơn không đồng ý với yêu cầu của Công ty lương thực M yêu cầu các đồng bị đơn thanh toán tiền thức ăn còn nợ bằng 371.260.000 đồng và tiền lãi cho Công ty. Các đồng bị đơn yêu cầu Công ty lương thực M trả lại cho các đồng bị đơn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp.

Bị đơn ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T không có lời trình bày.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 29/2018/DS-ST, ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M.

Buộc các đồng bị đơn ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho nguyên đơn Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M số nợ 371.260.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 8.353.350 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T chỉ có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi di sản do ông Nguyễn Văn T để lại.

Trường hợp di sản của ông Nguyễn Văn T để lại không đủ thanh toán cho nguyên đơn khoản nợ trên thì buộc ông Nguyễn Công K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số nợ còn thiếu.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án số tiền chưa thi hành sẽ được tính lãi theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu các đồng bị đơn thanh toán số tiền lãi quá hạn là 573.655.653 đồng.

Vô hiệu phần phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 14/4/2014 được ký kết giữa Công ty Nông sản thực phẩm T với ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M phải trả lại cho ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X310444 thửa đất 140, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa cấp cho hộ Nguyễn Văn T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03 tháng 10 năm 2018, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo không đồng ý trả số tiền 371.260.000 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Tổng công ty Lương thực M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, rút toàn bộ yêu cầu tính lãi, bị đơn không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, trong hợp đồng liên kết giữa Công ty và ông T, ông K thỏa thuận “*Nếu có tranh chấp mà hai bên không đạt được thỏa thuận thì phán quyết của Tòa án thành phố T có giá trị pháp lý cuối cùng cho cả hai bên*” là không đúng. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên tính lãi suất theo Điều 468 là không đúng mà cần sửa lại áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Tại phiên tòa xét thấy nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu tính lãi do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy một phần bản án sơ thẩm, đình chỉ xét xử phần yêu cầu tính lãi. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông K, bà H, ông P, bà T, bà T1 liên đới với ông K để trả nợ và thực hiện nghĩa vụ thi hành án trong phạm vi di sản do ông T để lại, trường hợp di sản của ông T để lại không đủ thanh toán

cho nguyên đơn thì buộc ông K có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số nợ còn lại là không đúng, vì ông T, ông K thực hiện hợp đồng mục đích phục vụ nhu cầu kinh tế cho hộ gia đình, nên cần buộc dùng tài sản hộ gia đình để đảm bảo thi hành án. Về phần nợ gốc xét thấy hộ ông T có nhận 74 tấn thức ăn của Công ty với số tiền bằng 746.260.000 đồng ông T đã thanh toán cho Công ty bằng 375.000.000 đồng còn nợ lại 371.260.000 đồng và bà H cũng thừa nhận phần nợ này, do đây là tiền nợ gốc nên thấy rằng bản án sơ thẩm buộc các bị đơn trả số tiền 371.260.000 đồng là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày tranh luận của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[01] Về tố tụng, tại Điều 6 của hợp đồng liên kết giữa Công ty với ông T, ông K thỏa thuận “Nếu có tranh chấp mà hai bên không đạt được thỏa thuận thì phán quyết của Tòa án thành phố T có giá trị pháp lý cuối cùng cho cả hai bên” (BL 08). Xét thấy thỏa thuận này giữa các đương sự là không đúng quy định pháp luật về thẩm quyền xét xử hai cấp của Tòa án. Tuy nhiên vi phạm này của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án. Do đó không cần thiết phải hủy án sơ thẩm.

[02] Bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo không đồng ý trả số tiền 371.260.000 đồng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Tổng công ty Lương thực M.

Xét thấy, tại hợp đồng liên kết số 26/HĐKT.2012 phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ 2012 ngày 26/5/2012 giữa Công ty Nông sản thực phẩm T với ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Công K có nội dung bên Công ty đầu tư thức ăn nuôi cá cho ông T và ông K, còn ông T và ông K sẽ giao cá thương phẩm cho Công ty sau khi thu hoạch và mỗi bên có nghĩa vụ bù trừ giá trị chênh lệch cho nhau.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng phía công ty đã giao cho ông T, ông K 74 tấn thức ăn cá với số tiền bằng 746.260.000 đồng, ông T, ông K đã thanh toán cho Công ty bằng 375.000.000 đồng, còn lại bằng 371.260.000 đồng. Ông T khi còn sống đã xác nhận nợ với Công ty vào ngày 31/3/2014, đồng thời bà H thừa nhận ông T và ông K còn nợ Công ty số tiền bằng 371.260.000 đồng nhưng không đồng ý trả, do trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty vi phạm nghĩa vụ tư vấn kỹ thuật, thu mua cá không đúng giá thị trường dẫn đến gia đình bà thua lỗ. Mặc dù, trong quá trình thực hiện hợp đồng phía Công ty có vi phạm về nghĩa vụ đã cam kết, tuy nhiên sự vi phạm này của Công ty không ảnh hưởng đến việc ông T và ông K phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty, vì thực tế

Công ty đã giao 74 tấn thức ăn cá cho ông T và ông K. Do đó, bà H cho rằng do Công ty vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên bà không đồng ý trả nợ cho Công ty là không có căn cứ.

Bà H cho rằng trong quá trình thực hiện hợp đồng liên kết phía Công ty có vi phạm nghĩa vụ hợp đồng làm cho gia đình bà bị thiệt hại, tuy nhiên bà H không có yêu cầu phản tố, do đó Tòa án không xem giải quyết là đúng quy định pháp luật.

[03] Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Tổng công ty Lương thực M, bà Từ Thị H rút toàn bộ yêu cầu tính lãi, bị đơn bà H chấp nhận việc Công ty rút yêu cầu tính lãi. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 299 và khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy một phần và đình chỉ phần yêu cầu tính lãi của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Tổng công ty Lương thực M.

[04] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên về lãi suất và nghĩa vụ liên đới giữa các bị đơn ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T là chưa chính xác. Do đó, cần phải điều chỉnh lại.

[05] Từ những phân tích trên, xét thấy kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H là không có căn cứ chấp nhận.

[06] Xét thấy, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa, hủy một phần và đình chỉ một phần bản sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận

[07] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H.

Sửa bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Hủy và đình chỉ một phần bản án sơ thẩm số 29/2018/DS-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố T.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M.

Buộc các đồng bị đơn ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T thanh toán cho nguyên

đơn Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M số nợ bằng 371.260.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trong phạm vi tài sản hộ ông Nguyễn Văn T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên – Tổng công ty Lương thực M buộc ông Nguyễn Công K, bà Nguyễn Thị Thu H, bà Nguyễn Thị Bích T, ông Nguyễn Minh P và bà Nguyễn Thị Thùy trả số tiền lãi.

Vô hiệu phần phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 14/4/2014 được ký kết giữa Công ty Nông sản thực phẩm Tvới ông Nguyễn Văn T.

Buộc Công ty TNHH MTV - Tổng công ty Lương thực M phải trả lại cho ông Nguyễn Công K bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X310444 thửa đất 140, tờ bản đồ số 7, loại đất trồng lúa cấp cho hộ Nguyễn Văn T.

Về án phí sơ thẩm: Tổng án phí các đồng bị đơn ông Nguyễn Công K bà Nguyễn Thị Thu H, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T phải chịu bằng 18.563.000 đồng. Do bà Nguyễn Thị Thu H được miễn án phí, nên số tiền án phí còn lại buộc các bị đơn ông Nguyễn Công K, ông Nguyễn Minh P, bà Nguyễn Thị Bích T, bà Nguyễn Thị T phải chịu là 14.850.400 đồng.

Nguyên đơn phải chịu án phí bằng 26.946.226 đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bằng 18.000.000 đồng (Mười tám triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0007834 ngày 09/11/2016 và 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0012531, ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, số tiền án phí còn lại nguyên đơn có nghĩa vụ phải nộp tiếp là 8.646.226 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu tiền án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí bằng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0018886, ngày 12/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND TP. T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: hồ sơ vụ án, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Văn Giới